

Bản án số: 134/2020/DS-ST

Ngày: 25 – 9 - 2020

V/v: *Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Bà Vũ Thị Hiệp

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Quý, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại Phòng xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2020/TLST-DS ngày 22/6/2020, về “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2020/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, số 266 – 268 đường N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Bích Thanh T – sinh năm 1980 (theo giấy ủy quyền số 680/2020/UQ-TTT ngày 09/6/2020) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Chung Chấn C – sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: 341/2/7 đường B, Phường I, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2020 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng), các bản tự khai bà Nguyễn Bích Thanh T đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày như sau: Ngày 27/03/2008, Ông Chung Chấn C có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Ông C, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng mã số 472074 - 0152 với hạn mức sử

dụng là 10,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Theo bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, hai bên thỏa thuận tiền lãi phải trả theo lãi suất do Ngân hàng quyết định (theo thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/07/2011 thì mức lãi suất là: 2,15%/ tháng). Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông C đã sử dụng thẻ tín dụng mã số 472074-0152 trên để giao dịch. Trong quá trình sử dụng thẻ thì ông C báo với Ngân hàng đã bị mất thẻ tín dụng và đề nghị cấp lại thẻ mới. Theo yêu cầu của ông C vào ngày 17/8/2009 ngân hàng đã cấp lại thẻ tín dụng mới cho ông C với mã số thẻ là: 472074-6280, toàn bộ dư nợ của thẻ cũ được chuyển sang thẻ mới, các thỏa thuận vẫn không thay đổi.

Ông Chung Chấn C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 26,654,000 đồng. Ông C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 23,920,000 đồng (trong đó tiền gốc: 14.951.367 đồng, tiền lãi trong hạn: 5.245.721 đồng, phí: 3.722.912 đồng). Sau đó ông C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vốn vay. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Ông C vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/04/2011 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn thiếu là 11.702.633 đồng sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu cá nhân ông Chung Chấn C thanh toán tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 25/9/2020 tổng cộng là 51.755.729 đồng (Năm mươi một triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn, bảy trăm hai mươi chín đồng) trong đó nợ gốc là: 11.702.633 đồng và lãi quá hạn: 40.053.096 đồng. Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu ông C tiếp tục phải trả lãi phát sinh cho Ngân hàng kể từ ngày 26/9/2020 theo lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán hết dư nợ gốc.

- Bị đơn ông Chung Chấn C vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Việc giải quyết vụ án dân sự nêu trên của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng thì có cơ sở xác định trong quá trình thực hiện hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mã số 472074 - 6280 thì ông C đã vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông C phải thanh toán số tiền vay còn thiếu phát sinh từ việc sử dụng thẻ tín dụng nêu trên với tổng số tiền là: 51.755.729 đồng (Năm mươi một triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn, bảy trăm hai mươi chín đồng) trong đó nợ gốc là: 11.702.633 đồng và lãi quá hạn: 40.053.096 đồng là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Ngày 12/6/2020 Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã nộp đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2020 trên đơn khởi kiện ghi người bị kiện là ông Chung Chấn C có địa chỉ số: 341/2/7 đường B, Phường I, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả xác minh ngày 25/7/2020 của Công an Phường I, Quận F thì: “*đương sự Chung Chấn C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: 341/2/7 đường B, Phường I, Quận F, hiện tại không cư trú tại địa chỉ trên, không rõ đi đâu*”. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông C trả số tiền vay còn nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế đề ngày 27/3/2008 có ghi địa chỉ của ông C là 341/2/7 đường B, Phường I, Quận F. Như vậy, Ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông C, nhưng ông C thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự là đã cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Tòa án nhân dân Quận 6 tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu ông C trả số tiền vay còn thiếu, ông C có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ: 341/2/7 đường B, Phường I, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S do bà Nguyễn Bích Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn là ông Chung Chấn C thì Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Chung Chấn C theo đúng qui định của pháp luật Tố tụng dân sự. Xét ông C là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đề ngày 27/3/2008 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ANZ dưới sự đồng ý của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (đơn vị phát hành thẻ) có hiệu lực từ ngày 20/10/2007, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đại diện Ngân hàng đủ cơ sở xác định ngày 27/3/2008 giữa ông Chung Chấn C và Ngân hàng đã xác lập hợp đồng cấp và sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng đã phê duyệt đồng ý cấp thẻ tín dụng mã số 472074-6280 với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện các giao dịch vay tiền của Ngân hàng, với số tiền là: 26.654.000 đồng và đã thanh toán được 23.920.000 đồng (bao gồm nợ gốc là 14.951.367 đồng, lãi trong hạn là: 5.245.721 đồng, phí 3.722.912 đồng). Trong quá trình trả nợ, ông C nhiều lần thanh toán trễ hạn, từ ngày 01/4/2011 thì Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử

dụng thẻ của ông C và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu với số tiền là: 11.702.633 đồng sang nợ quá hạn. .

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Chung Chấn C phải thanh toán số nợ còn thiếu từ việc sử dụng thẻ tín dụng mã số: 472074-6280 với tổng số tiền là: 51.755.729 đồng (Năm mươi một triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn, bảy trăm hai mươi chín đồng) trong đó nợ gốc là: 11.702.633 đồng và lãi quá hạn: 40.053.096 đồng là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Về thời hạn thanh toán: thanh toán kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Chung Chấn C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đề ngày 27/3/2008 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ANZ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông C phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay nêu trên, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là:

$51.755.729 \text{ đồng} \times 5\% = 2.587.786 \text{ đồng}$

Do Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do đó được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.240.736 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0010341 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 278, Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S:

Buộc ông Chung Chấn C trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền vay còn thiếu là: 51.755.729 đồng (Năm mươi một triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn, bảy trăm hai mươi chín đồng) trong đó nợ gốc là: 11.702.633đ (Mười một triệu, bảy trăm lẻ hai ngàn, sáu trăm ba mươi ba đồng) và lãi quá hạn: 40.053.096đ (Bốn mươi triệu, không trăm năm mươi ba ngàn, không trăm chín mươi sáu đồng) theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 27/3/2008 kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đề ngày 27/3/2008 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ANZ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Chung Chấn C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.587.786đ (Hai triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn bảy trăm tám mươi sáu đồng)

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tạm ứng án phí đã nộp là 1.240.736đ (Một triệu hai trăm bốn mươi ngàn bảy trăm ba mươi sáu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0010341 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần S và ông Chung Chấn C có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Nhàn